

120 CÂU HỎI GIẢI PHẪU (MÔN CƠ SỞ)
DÙNG CHO THI TUYỂN CAO HỌC VÀ BSNT
TỪ NĂM HỌC 2013

1. Mô tả các thành và các lỗ của ống bẹn
2. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua ống bẹn song song với dây chằng bẹn
3. Mô tả hình thể ngoài và liên quan của tim.
4. Mô tả cấu tạo của tim
5. Thực quản: phân đoạn và liên quan
6. Mô tả các tĩnh mạch đơn, bán đơn và bán đơn phụ
7. Ống ngực: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan
8. Kể tên các thành phần của trung thất sau và mô tả liên quan giữa các thành phần đó
9. Mô tả các giới hạn và sự phõn chia trung thất, kể tên các thành phần của trung thất trên
10. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua ngực (ngang đốt sống ngực VII)
11. Mô tả thân kinh tự chủ của tim và các động mạch vành.
12. Mô tả hệ thống dẫn truyền của tim và các động mạch vành.
13. Vẽ thiết đồ đứng ngang qua 4 buồng tim
14. Mô tả các tĩnh mạch của tim
15. Mô tả hình thể trong của tim
16. Mô tả động mạch chủ ngực
- 17.7. Mô tả và nêu cấu tạo của mạc nối nhỏ
- 18.8. Mô tả túi mạc nối
- 19.9. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua túi mạc nối và kể tên các đường vào túi mạc nối
20. Mô tả liên quan của dạ dày

21. Mô tả các động mạch của dạ dày
22. Câu.22. Mô tả liên quan của khối tá tràng cố định và đầu tụy
23. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua thận phải
24. Mô tả liên quan của thận
25. Phân đoạn và liên quan của niệu quản
26. Mô tả hình thể ngoài, liên quan và các phương tiện cố định buồng trứng
27. Mô tả hình thể ngoài và liên quan của tử cung
28. Mô tả các dây chằng của tử cung
29. Mô tả động mạch tử cung
30. Vẽ sơ đồ các động mạch của dạ dày.
31. Mô tả cấu tạo của thận
32. Vẽ thiết đồ cắt đứng ngang qua vĩ tử cung, tử cung và ống đạo.
33. Mô tả dây chằng rộng và vẽ thiết đồ cắt đứng dọc qua dây chằng rộng.
34. Mô tả hình thể ngoài của dạ dày
35. Mô tả hình thể trong và cấu tạo của tử cung
36. Mô tả các đoạn của vĩ tử cung
37. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua chậu hụng nữ
38. Mô tả động mạch thận ở ngoài thận
39. Động mạch nách: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và phân nhánh.
40. Động mạch cánh tay: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và phân nhánh
41. Động mạch trụ: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, phân nhánh và tiếp nối

42. Động mạch quay: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, phân nhánh và tiếp nối
43. Đám rối thần kinh cánh tay: vẽ sơ đồ, mô tả cấu tạo và kể tên các nhánh tận
44. Thần kinh giữa: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
45. Thần kinh trụ: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
46. Thần kinh quay: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
47. Mô tả các cung động mạch của gan tay
48. Mô tả thần kinh giữa: đường đi, liên quan và vẽ sơ đồ cảm giác ở bàn tay.
49. Mô tả thần kinh trụ: đường đi, liên quan và vẽ sơ đồ cảm giác ở bàn tay.
50. Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt sau chi trên.
51. Mô tả các tiếp nối giữa: động mạch cánh tay-động mạch nách; động mạch cánh tay-động mạch quay; động mạch cánh tay-động mạch trụ; và động mạch quay-động mạch trụ
52. Vẽ sơ đồ các tiếp nối của động mạch nách.
53. Sự chi phối vận động và cảm giác cho bàn tay.
54. Vẽ sơ đồ đám rối cánh tay và Mô tả thần kinh cơ bì
55. Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt trước chi trên
56. Vẽ sơ đồ đám rối cánh tay và Mô tả thần kinh nách
57. Mô tả các nhánh thần kinh bì ở chi trên: nguyên uỷ và vùng chi phối
58. Mô tả các cơ vùng cẳng tay trước

59. Trình bày sự chi phối thần kinh cho các cơ ở cánh tay, cẳng tay và gan bàn tay.
60. Vẽ sơ đồ tiếp nối động mạch giữa các động mạch cánh tay, quay và trụ ở khuỷu.
61. Động mạch cảnh chung: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan của đoạn cổ
62. Động mạch cảnh ngoài: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và kể tên các nhánh bên
63. Động mạch cảnh trong: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan
64. Mô tả các xoang tĩnh mạch màng cứng thuộc nhóm sau trên
65. Mô tả các xoang tĩnh mạch màng cứng thuộc nhóm trước dưới
66. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh mắt
67. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh hàm trên
68. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh hàm dưới
69. Mô tả nguyên uỷ, đường đi và liên quan của thần kinh mặt
70. Mô tả nguyên uỷ, liên quan đoạn đi qua xương đá và kể tên các nhánh của thần kinh mặt
71. Mô tả liên quan, sự phân nhánh và tiếp nối của động mạch cảnh trong.
72. Mô tả liên quan, sự phân nhánh và tiếp nối của động mạch cảnh ngoài.
73. Mô tả sự phân chia vùng cổ trước bên
74. Mô tả tĩnh mạch cảnh ngoài và tĩnh mạch cảnh trong.
75. Mô tả các cơ nhai
76. Mô tả các cơ trên múng.
77. Mô tả các cơ dưới múng.

78. Vẽ thiết đồ đứng ngang qua xoang hang và Mô tả xoang hang.
79. Mô tả các nhánh cấp máu cho da mặt và da đầu của thần kinh sinh ba
80. Mô tả vị trí và hình thể ngoài của tuỷ sống
81. Mô tả chất xám của tuỷ sống
82. Mô tả chất trắng của tuỷ sống
83. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua tuỷ sống
84. Mô tả đường dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức ở cổ, thân và các chi (bó thon và bó chêm)
85. Mô tả đường dẫn truyền vận động có ý thức ở cổ, thân và các chi (bó tháp)
86. Mô tả đường dẫn truyền vận động có ý thức ở đầu và một phần cổ (bó gối)
87. So sánh thần kinh thân thể và thần kinh tự chủ
88. So sánh thần kinh giao cảm và thần kinh đối giao cảm
89. Mô tả hình thể ngoài của đại não: Các rãnh gian thùy và các thùy tròn, đỉnh.
90. Mô tả hình thể ngoài của đại não: Các rãnh gian thùy và các thùy chẩm, thùy dương và viền.
91. Vẽ thiết đồ cắt đứng ngang qua đại não.
92. Mô tả đường dẫn truyền xúc giác
93. Mô tả đường dẫn truyền cảm giác đau và nhiệt.
94. Vẽ sơ đồ vòng động mạch não
95. Mô tả chất trắng của đại não
96. Mô tả chất xám của đại não
97. Mô tả não thất bên
98. Mô tả các động mạch cấp máu cho đại não

- 99.. Động mạch đùi: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và nhánh bên
- 100.Động mạch khoeo: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và áp dụng
- 101.Động mạch chày trước: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và tiếp nối
- 102.Động mạch chày sau: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và tiếp nối
- 103.Đám rối thần kinh thắt lưng: vẽ sơ đồ và mô tả cấu tạo.
- 104.Đám rối thần kinh cùng: mô tả cấu tạo và các nhánh chính (trừ TK ngồi)
- 105.Thần kinh ngồi: nguyên uỷ, đường đi, liên quan, nhánh bên và nhánh tận
- 106.Mô tả khớp hông: các mặt khớp, bao khớp, dây chằng và động tác
- 107.Mô tả khớp gối: các mặt khớp, dây chằng và động tác.
- 108.Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt trước chi dưới.
- 109.109.Mô tả các nhánh tận của đám rối thắt lưng.
- 110.110.Mô tả: các tiếp nối của động mạch đùi; các tiếp nối của động mạch khoeo.
- 111.111.Mô tả: sự tiếp nối của động mạch khoeo; sự tiếp nối của các ĐM chày trước, chày sau và mu chân
- 112.Mô tả các cơ do thần kinh đùi chi phối (nguyên uỷ, bám tận, động tác)
- 113.Mô tả tam giác đùi và ống cơ khớp
- 114.Mô tả sự chi phối thần kinh cho cơ ở các vùng mông, đùi và cẳng chân.
- 115.Mô tả các cơ của vùng mông

116.Mô tả các cơ vùng cẳng chân sau

117.Vẽ sơ đồ các tiếp nối của động mạch khoeo

118.Mô tả thần kinh chày

119.Mô tả thần kinh mác chung

120.Vẽ sơ đồ đám rối thần kinh cùng